



Số: 19/2013/CBTT-SEC

Gia Lai, ngày 30 tháng 03 năm 2013

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG - NHIỆT ĐIỆN GIA LAI**

Trụ sở chính: 561 Trần Hưng Đạo - Thị xã Ayunpa - Gia Lai

Điện thoại: 059.3657.245

Fax: 059.3657.245

Người thực hiện công bố thông tin: Hồ Đắc Dũng

Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo - Thị xã Ayunpa - Gia Lai

Điện thoại: 0913.446.622

Fax: 059.3657.245

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo thường niên năm 2012.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo thường niên năm 2012.

Người thực hiện công bố thông tin

Phó tổng giám đốc

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VP.HĐQT.



Hồ Đắc Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG – NHIỆT ĐIỆN GIA LAI
Tên tiếng anh: GiaLai Cane Sugar Thermolectricity Joint Stock Company
Mã chứng khoán: **SEC**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2012

Trụ sở chính : 561 Trần Hưng Đạo, Tx. Ayunpa, Tỉnh Gia Lai
Điện thoại : 059 3657 245
Fax : 059 3657 236
Website : www.secgialai.com.vn

MỤC LỤC

I.	Thông tin chung	2
1.	Thông tin khái quát.....	2
2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
5.	Định hướng phát triển.....	4
6.	Các rủi ro	5
II.	Tình hình hoạt động trong năm	5
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	5
2.	Tổ chức và nhân sự	7
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	11
4.	Tình hình tài chính	12
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	13
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc.....	14
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	14
2.	Tình hình tài chính	15
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	17
4.	Định hướng phát triển năm 2013.....	17
IV.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty	19
1.	Tình hình hoạt động của Công ty	19
2.	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc	20
3.	Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2013	21
V.	Quản trị Công ty.....	21
1.	Hội đồng quản trị.....	21
2.	Ban kiểm soát	23
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban TGD.....	24
VI	Báo cáo tài chính	26



I. Thông tin chung:

1. *Thông tin khái quát:*

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG - NHIỆT ĐIỆN GIA LAI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900421955 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 18/5/2012.
- Vốn điều lệ: 174.065.800.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 226.897.403.847 đồng
- Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo - Thị xã Ayunpa - Tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại: 059.3657.245
- Số fax: 059.3657.236
- Website: www.secgialai.com.vn
- Mã cổ phiếu: SEC

2. *Quá trình hình thành và phát triển:*

Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai thành Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai. Quá trình chuyển đổi được tóm lược như sau:

Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai là doanh nghiệp liên doanh giữa Công ty Mía đường Gia Lai (Việt Nam) và Group Des Societes De Bourbon (Pháp) thành lập theo giấy đầu tư số: 1950/GP ngày 18/7/1997.

Ngày 25/4/2007 Group Des Societes De Bourbon ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho Công ty Mía đường Gia Lai.

Ngày 16/05/2007 UBND tỉnh Gia Lai quyết định huy động vốn từ các hộ nông dân, CBCNV của Công ty, các tổ chức và cá nhân để mua lại phần chuyển nhượng trên.

Ngày 10/9/2007 Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai. Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000148 ngày 02/08/2007. Đến nay giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã thay đổi lần 7 ngày 18/5/2012 với mã số 5900421955. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 172/QĐ-SGDHCM ngày 23/12/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với số lượng cổ phiếu niêm yết là 12.613.472 cổ phiếu, mã chứng khoán SEC. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 06/01/2010. Đến nay qua 2 lần tăng vốn điều lệ thì vốn điều lệ là 174.065.800.000 đồng.

Với công suất thiết kế ban đầu 1.000TMN, sau các lần nâng cấp nhà máy và phát triển vùng nguyên liệu thì đến nay công suất ép của nhà máy đạt 3.500 TMN và có hơn 9.000ha mía nguyên liệu. Hiện nay Công ty đang gấp rút triển khai nâng cấp nhà máy với công suất hoạt động 6.000TMN cho vụ mùa 2014-2015.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

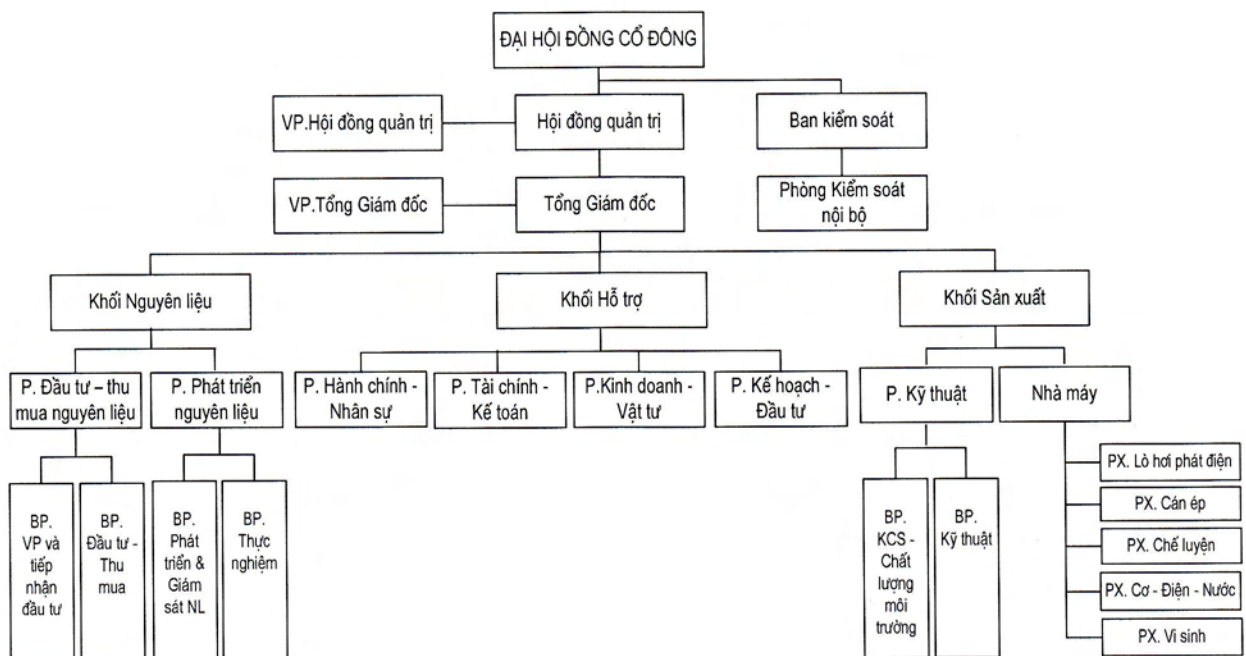
a. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất đường và mật rỉ.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.
- Trồng và đầu tư mía giống, mía nguyên liệu.

b. Địa bàn kinh doanh:

Hiện nay hệ thống phân phối sản phẩm của Công ty chủ yếu có 2 kênh miền Trung Tây Nguyên và khu vực phía Nam. Bắt đầu trong đầu năm 2012 SEC có tiến hành thăm dò thị trường phía Bắc và bước đầu thu được kết quả rất khả quan, sản phẩm của SEC được các khách hàng tại phía Bắc chấp nhận và dễ dàng tiêu thụ qua biên giới phía Bắc. Do đó, khả năng mở rộng thị trường ra phía Bắc bước đầu rất khả thi, có thể đẩy mạnh thực hiện trong thời gian tới.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:



Sau nhiều lần tái cấu trúc, đến nay cơ cấu tổ chức của Công ty đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh, phù hợp với tình hình hiện tại. Bộ máy điều hành công ty được xây dựng với các Khối, Phòng ban nghiệp vụ với đầy đủ các chức năng, đáp ứng yêu cầu công việc và mang lại hiệu quả cao.

❖ **Bộ máy quản trị điều hành:**

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 thành viên, đều mới được bầu, bổ nhiệm và là những nhân sự có trình độ chuyên môn cao, có trình độ từ đại học trở lên, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản trị, quản lý và điều hành các doanh nghiệp của ngành đường, đảm bảo đủ năng lực hoạch định chiến lược, tổ chức quản trị Công ty đưa công ty ngày càng phát triển trong nhiệm kỳ 05 năm tới.

Ban điều hành gồm 10 thành viên, bao gồm Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Nhà máy và các Trưởng phòng nghiệp vụ, các Trưởng phòng ban, đều mới được bổ nhiệm hoặc tái bổ nhiệm hơn 01 năm sau khi tái cấu trúc. Nhân sự Ban điều hành đều có trình độ từ Đại học trở lên, trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí được bổ nhiệm và hầu hết đã có kinh nghiệm làm công tác quản lý hoặc đi lên từ cơ sở. Với lực lượng nhân sự như vậy, Ban điều hành có đủ năng lực để điều hành hoạt động công ty đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời gian tới.

5. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Trở thành một trong những đơn vị sản xuất mía đường lớn tại khu vực Miền trung - Tây Nguyên với công suất ép 6.000 TMN (2015) định hướng 10.000 TMN (2020)
- Mở rộng vùng nguyên liệu đáp ứng cho việc nâng công suất nhà máy, tăng năng suất và chất lượng cây mía.
- Duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định trên cơ sở mở rộng quy mô kinh doanh để đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đảm bảo quyền lợi của tất cả nhà đầu tư.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phát triển vùng nguyên liệu mía:
 - + Phấn đấu đến năm 2017 diện tích mía đạt 13.930 ha
 - + Cơ giới hóa toàn bộ khâu làm đất. Đưa các biện pháp canh tác tiên tiến vào thực tiễn trồng mía tại vùng nguyên liệu theo hướng cơ giới hóa, hợp lý hóa nhằm tăng năng suất và chất lượng mía, giảm chi phí trồng mía, đáp ứng yêu cầu về thời vụ giải quyết khó khăn về lao động thủ công.
- Sản phẩm dịch vụ - Công nghệ:
 - + Giai đoạn 2012-2015, sản phẩm mục tiêu ngắn hạn của SEC vẫn là đường trắng RS chất lượng cao loại I, áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến: Lắng nổi, Blanco Directo, Phốt phát hóa một phần... nhằm giảm dần lưu lượng Lưu huỳnh trong đường thành phẩm và các sản phẩm đồng hành như đồng phát nhiệt điện, mật rỉ, phân vi sinh, bã bùn...
 - + Giai đoạn 2016 trở đi, SEC sẽ tiếp tục bổ sung thiết bị và chuyển đổi dần sản phẩm đường mục tiêu sang đường RE với tiêu chuẩn RE EU2, sử dụng công nghệ Cacbonat hóa và Resin; mở rộng nghiên cứu các sản phẩm mới, tối ưu hóa sử dụng các phụ phẩm của quá trình sản xuất đường để tiến tới sản xuất Cồn thực phẩm

c. *Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:*

- Công ty xác định mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh phải đi đôi với bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo phát triển hài hòa, bền vững.
- Mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng tốt nhất, gia tăng giá trị lợi ích kinh tế cho người trồng mía, tối đa hóa giá trị cho các cổ đông và đem lại sự hài lòng, gắn bó dài lâu cho CBNV khi công tác tại công ty.
- Quan tâm đến khách hàng khi đưa ra thị trường sản phẩm chất lượng và giá cả tốt nhất; quan tâm đến nông dân bằng các chính sách đầu tư, hỗ trợ cao nhất; quan tâm đến người lao động bằng chế độ thu nhập thỏa đáng và công bằng; quan tâm đến địa phương qua hoạt động đóng góp phúc lợi xã hội.

6. *Các rủi ro:*

- Ngành sản xuất đường Việt Nam còn phải đối mặt với lượng đường nhập lậu từ Thái Lan, Campuchia, Lào,... Nếu không có chính sách quản lý và kiểm soát hữu hiệu, đường nhập lậu qua con đường phi pháp sẽ tác động tiêu cực tới sản xuất và tiêu thụ đường trong nước.
- Đại khủng hoảng kinh tế tài chính tác động nặng nề, chậm phục hồi làm giảm sức mua và gây khó khăn tiêu thụ hàng hóa trên thị trường.
- Thiên tai, hạn hán, dịch bệnh,... xuất hiện thường xuyên hơn và nhiều bất ngờ làm ảnh hưởng đến vùng nguyên liệu của Công ty và sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty và gây thiệt hại về kinh tế.
- Tình hình cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt và quyết liệt hơn giữa các đối thủ cạnh tranh. Đặc biệt, các đối thủ cạnh tranh lân cận đã không ngừng phát triển vùng nguyên liệu, nâng công suất hoạt động và đầu tư công nghệ hiện đại.
- Việc huy động vốn ngày càng khó khăn, nhất là các nguồn vay từ ngân hàng, chi phí tài chính cao... là yếu tố ảnh hưởng mạnh mẽ tới các mặt hoạt động của Công ty.

II. *Tình hình hoạt động trong năm:*

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:*

- **Bảng so sánh kết quả thực hiện so với KH 2012:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2012	TH 2012	% TH/KH
I	Sản xuất				
1	Sản lượng mía ép (mía sạch)	Tấn	450.000	435.878	96%
2	Tỷ lệ mía/đường		10,00	10,17	98%
II	Sản lượng sản xuất				
1	Đường RS	Tấn	45.000	43.066	96%
2	Mật rỉ	Tấn	22.500	24.329	108%
3	Bã bùn	Tấn	18.000	19.695	110%
4	Phân fito (vi sinh)	Tấn	2.500	2.285	92%
5	Bán điện cho EVN	KWh	19.780	17.976	91%

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2012	TH 2012	% TH/KH
6	Nước tinh khiết	ng. lít	1.145	426	37%
III	Tổng quỹ lương	tr.đ			
	- Lương SX đường	tr.đ	32.876	31.426	96%
	- Lương SX phân vi sinh	tr.đ	563	400	71%
	- Lương SX nước tinh khiết	tr.đ	150	37	24%
	- Lương Ban dự án	tr.đ	182	432	237%
	- Lương TT Pi Dong - Tây Sơn	tr.đ	315	302	96%
IV	Hiệu quả sản xuất kinh doanh				
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	tr.đ	823.553	708.651	86%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	tr.đ	108.341	75.348	70%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	tr.đ	83.456	63.984	77%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	đồng	4.795	3.676	77%
V	Phân phối lợi nhuận				
1	Quỹ dự phòng tài chính (5%)	tr.đ	4.173	3.199	77%
2	Quỹ đầu tư phát triển (10%)	tr.đ	8.346	6.398	77%
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi (10%)	tr.đ	8.346	6.398	77%
4	Quỹ hoạt động xã hội (1%)	tr.đ	834	639	77%
5	Cổ tức có thể chi trả (74% LNST)	tr.đ	61.758	47.348	77%

Nhận xét: Năm 2012, Công ty đã ép với sản lượng mía nhiều nhất từ trước đến nay: 452.835 tấn mía thô, tương đương 435.878 tấn mía sạch, đây là sự nỗ lực rất lớn của toàn thể CBNV và Ban lãnh đạo Công ty.

▪ **Tình hình bán hàng các sản phẩm chính năm 2012:**

TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Giá bán	Giá trị (tỷ đồng)
1	Đường RS	39.344	15.754	620
2	Mật rỉ	28.012	1.336	37
	Tổng cộng:			657

Điểm đạt được: Trong năm 2012, mặc dù thị trường đường gặp nhiều bất lợi vì nguồn cung thặng dư, giá đường liên tục sụt giảm mạnh từ mức 16.100 đ/kg (tháng 1.2012) chỉ còn 13.650 đ/kg vào tháng 12.2012. Tuy nhiên trên cơ sở phân tích, nắm bắt đúng xu hướng diễn biến của giá đường và được sự đồng thuận của HĐQT nên Ban TGD đã chủ động thực hiện kế hoạch bán hàng, kinh doanh năng động, hiệu quả đem lại giá trị lợi ích kinh tế cho Công ty, theo đó giá bán Đường bình quân năm 2012 là 15.754 đ/kg.

Khó khăn, điểm yếu còn tồn tại:

- Việc lập kế hoạch kinh doanh năm 2012 không đo lường dự báo hết những khó khăn, chưa dự phòng phương án đối phó các yếu tố tác động ảnh hưởng lớn nên kế hoạch thực hiện không đạt.
- Chất lượng đường không ổn định.

- Kho thành phẩm nhỏ nên phải thuê kho nên phát sinh chi phí bán hàng.
- Vận chuyển khó khăn giá cước vận chuyển cao.
- Kênh phân phối bán lẻ khu vực miền Trung và miền Bắc chưa nhiều.

2. Tổ chức và nhân sự :

a. Danh sách Ban điều hành:

1) Tổng Giám đốc

Họ và tên:	CÁP THÀNH DŨNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	10/8/1971
Nơi sinh:	An Nhơn, Bình Định
CMND	230934911 Cấp ngày 23/02/2009 Tại CA Gia Lai
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	An Nhơn, Bình Định
Địa chỉ thường trú:	109B Ngô Quyền, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công nghệ thực phẩm Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
+ Từ 1995 đến 1996:	Cán bộ Kỹ thuật Công ty Mía đường Gia Lai
+ Từ 1997 đến 2004:	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai (nay là Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai)
+ Từ 2005 đến 7/2007:	Giám đốc Nhà máy Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai
+ Từ 8/2007 đến 9/2010:	Phó giám đốc Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai
+ Từ 23/9/2010 đến nay:	Tổng giám đốc Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai
+ Từ 10/10/2012 đến nay:	Thành viên HĐQT Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai
Số cổ phần nắm giữ:	13.800 cổ phần, chiếm 0,079% vốn điều lệ.

2) Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **HỒ ĐẮC DŨNG**
Giới tính: **Nam**
Ngày tháng năm sinh: **02/4/1954**
Nơi sinh: **Huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định**
Quê quán: **An Nhơn – Bình Định**
CMND: **Số: 230054294, ngày cấp: 18/9/2000, nơi cấp: CA Gia Lai**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Dân tộc: **Kinh**
Địa chỉ thường trú: **19 Đoàn Thị Điểm, P. Diên Hồng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai**
Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính – Kế toán**
Quá trình công tác:
- Từ 1980 – 1988: **Kế toán trưởng xí nghiệp cơ khí tỉnh Gia Lai – Kon Tum;**
- Từ 1988 – 1989: **Chuyên viên kinh tế Sở Công nghiệp tỉnh Gia Lai;**
- Từ 1990 – T7/1995: **Kế toán trưởng Công ty Dầu thực vật tỉnh Gia Lai;**
- Từ T8/1995 – T7/2007: **Kế toán trưởng Công ty Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai;**
- Từ T8/2007 – T9/2010: **Kế toán trưởng Công ty CP Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai;**
- Từ T9/2010 – nay: **Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai.**
Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức: **Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**
Số cổ phần nắm giữ: **27.600 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ.**

3) Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN LỪNG**
Giới tính: **Nam**
Ngày tháng năm sinh: **20/10/1958**
Nơi sinh: **Thanh Miện, Hải Dương**
Quê quán: **Thanh Miện, Hải Dương**
CMND: **Số: 230195594, ngày cấp: 24/9/2003, nơi cấp: CA Gia Lai**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Dân tộc: **Kinh**
Địa chỉ thường trú: **25 Tôn Thất Thuyết, P. Thống Nhất, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai**
Trình độ chuyên môn: **Cử nhân quản lý kinh tế công nghiệp, cử nhân luật**
Quá trình công tác:
- Từ 1978 – 1986: **Kế toán khách sạn Gia Lai;**
- Từ 1987 – 1992: **Trưởng tổng kho nông sản An Khê.**

- Từ 1992 – 8/1995: Trưởng phòng nhân sự nhà máy chế biến mỳ Việt – Thái – An Khê;
- Từ 9/1995 – 7/2007: Giám đốc nông nghiệp Công ty Mía đường Bourbon Gia Lai;
- Từ 9/2007 – 4/2012: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai.
- Từ 5/2012 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai.

Số cổ phần nắm giữ: 47.600 cổ phần, chiếm 0,27% vốn điều lệ.

4) Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **NGUYỄN TIẾN CƯỜNG**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 13/10/1966

Nơi sinh: Quảng Bình

Quê quán: Quảng Bình

CMND: Số: 280360268, ngày cấp: 12/07/1997, nơi cấp: CA Bình Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 22/6, khu Phố Trung, Phường Vĩnh Phú. Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa

Quá trình công tác:

Từ 1990 - 1992: Cán bộ kỹ thuật Công ty đồ hộp xuất khẩu Linh xuân, Tổng công ty xuất nhập khẩu TPHCM

Từ 1992 – 2000: Cán bộ kỹ thuật Công ty Đường Bình Dương

Từ 2000 -2001: Trưởng Tiểu ban kỹ thuật dự án di dời Nhà máy Đường Linh Cảm – Hà Tĩnh vào xây dựng tại tỉnh Trà Vinh.

Từ 2001-2002: Trưởng phòng Kỹ thuật – KCS Công ty Mía đường Trà Vinh

Từ 2002 -2011: Phó Giám đốc kỹ thuật Công ty Mía đường Trà Vinh

Từ 2011 đến nay: Phó Giám đốc ngành đường Công ty Thành Thành Công, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang.

Từ 04/9/2012 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai.

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

5) *Kế toán trưởng:*

Họ và tên:	NGUYỄN XUÂN THANH
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/01/1965
Nơi sinh:	Huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định
CMND:	Số: 230 389 747, ngày cấp: 17/09/2003, nơi cấp: CA Gia Lai
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú	45/36 Phan Đăng Lưu, TP. Pleiku, Gia Lai
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ T4/1985 – T5/1988:	Nhân viên Kế toán Xí nghiệp khảo sát Thiết kế Thủy lợi Gia Lai
- Từ T6/1988 – T3/1994:	Kế toán tổng hợp Công ty Xây dựng Thủy lợi Gia Lai
- Từ T4/1994 – T5/2002:	Kế toán tổng hợp Công ty Điện Gia Lai
- Từ T6/2002 – T6/2006:	Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Điện Tây Nguyên
- Từ T7/2006 – T8/2009:	Giám đốc Công ty CP Ayun Thượng
- Từ T9/2009 – T8/2011:	Kế toán trưởng Công ty CP Ayun Thượng
- Từ T9/2011 – nay:	Kế toán trưởng Công ty CP Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai
Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần

b. *Những thay đổi trong ban điều hành:*

- Ông Trịnh Minh Châu - Phó tổng giám đốc thôi nhiệm kể từ ngày 14/05/2012.
- Ông Nguyễn Tiến Cường - Phó Tổng giám đốc bổ nhiệm kể từ ngày 04/9/2012.

c. *Số lượng cán bộ, nhân viên:*

- Tình hình lao động và quỹ tiền lương, Công ty thực hiện như sau:

+ Lao động bình quân:	414 người
+ Tổng chi tiền lương, tiền thưởng:	38,319 tỷ đồng
+ Thu nhập bình quân/người/tháng:	6,478 triệu đồng/người/tháng

- Các chế độ, quyền lợi của CBCNV được thực hiện đúng Luật lao động, Điều lệ của Công ty, việc chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ và đúng quy định. Trong năm qua, việc ký kết hợp đồng lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động được thực hiện đúng quy định của Nhà nước, Luật lao động; đã mua BHXH và BHYT đầy đủ cho người lao động. Tiền BHXH, BHYT đã nộp kịp thời đúng quy định.

– Tổ chức cho CBCNV đi tham quan, nghỉ dưỡng sau khi kết thúc vụ sản xuất. Tổ chức các đoàn CB đi tham quan học hỏi kinh nghiệm về kỹ thuật, nguyên liệu tại một số Nhà máy bạn và các nước trong khu vực.

3. Tình hình đầu tư, triển khai các dự án năm 2012:

Thực hiện kế hoạch đề ra của ĐHCĐ thường niên 2012, trong năm 2012 Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng các hạng mục công trình phục vụ công suất ép 3.500 TMN với các chương trình trọng điểm đã hoàn thành bao gồm:

▪ Khối sản xuất:

STT	Hạng mục - Dự án	Giá trị	Tình trạng
1	Sửa chữa lớn hàng năm	8,6 tỷ	Đã hoàn thành đúng kế hoạch và đưa vào sản xuất
2	DA nâng công suất nhà máy giai đoạn 1 từ 3.200 – 3.500 TMN.	25 tỷ	Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng
3	Xây dựng ngầm Pida.	3,1 tỷ	Đang triển khai
4	Hệ thống tưới cánh đồng mía mẫu	10 tỷ	Đang triển khai
5	Dự án xử lý nước thải	22 tỷ	Đang triển khai
6	Dự án thiết kế, cải tạo mặt bằng, hệ thống mương thoát nước, đường nội bộ	5,6 tỷ	Đã hoàn thành GD 1 và đang triển khai thi công GD 2.

▪ Khối nguyên liệu:

STT	Nội dung	Giá trị	Thực hiện
1	Tổng diện tích trồng mía	8.200 ha	
2	Diện tích trồng mía được mở rộng	2.400 ha	Vượt so với KH 2.200 ha.
3	Diện tích đầu tư cơ giới hóa	500 ha	300 ha được cơ giới hóa mới.
4	Tổng đầu tư phát triển vùng nguyên liệu	116 tỷ	
5	Đầu tư cơ giới hóa	3 tỷ	

- Điểm đạt được :

Các chỉ tiêu sản xuất chính của Công ty trong năm 2012 như sau:

Nội dung	ĐVT	2011	2012
Sản lượng mía nhập (mía thô)	Tấn	328.174	452.835
Sản lượng mía sạch (Trừ tạp chất)	Tấn	316.177	435.835
CCS bình quân	CCS	9,8	9,84
Tạp chất mía xanh BQ	%	3,48	3,42
Năng suất	Tấn/ha	65	64
Sản lượng mía cháy	Tấn	29.398	29.823

Bắt đầu từ năm 2012, Công ty triển khai áp dụng thành công phần mềm, máy GPS để đo, vẽ toàn bộ vùng nguyên liệu phục vụ công tác: quy hoạch vùng nguyên liệu và số hóa tất cả

các dữ liệu nông nghiệp, qua đó phục vụ cho công tác quản lý vùng nguyên liệu khoa học, chính xác hơn.

Hoàn thành kế hoạch xây dựng các VBLQ: quy chế đầu tư thu mua phát triển nguyên liệu, các quy trình, quy định phục vụ công tác nguyên liệu.

- **Khó khăn, điểm yếu còn tồn tại.**

- + Do thời tiết nắng hạn kéo dài (từ tháng 11/2012) nên diện tích mía khô héo rất nhiều: tỷ lệ mọc & tái gốc kém, ảnh hưởng lớn đến năng suất mía vụ 2013/2014.
- + Tình trạng mía bán ngoài vùng tăng cao so với vụ mùa 2011/2012.
- + Tình hình nhân công chăm sóc, thu hoạch mía ngày càng khan hiếm.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Tỷ lệ năm 2012/2011
Tổng giá trị tài sản	613.801.960.338	669.237.493.119	109%
Doanh thu thuần	552.754.762.636	708.651.112.099	128%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh	111.434.528.525	72.715.508.016	81%
Lợi nhuận khác	(455.572.441)	2.632.005.998	678%
Lợi nhuận trước thuế	110.978.956.084	75.347.514.014	68%
Lợi nhuận sau thuế	98.842.693.505	63.984.342.595	65%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	42%	25%	60%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng tài chính:			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,24	0,93	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho	0.85	0.58	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,66	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,84	1,95	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán	5,07	5,26	
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,9	1.06	

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,18	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận sau Thuế/Vốn chủ sở hữu	0,46	0,28	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,16	0,1	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,2	0,1	

5. *Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:*

a. *Cổ phần:*

- Tổng số cổ phần: 17.406.580 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 17.406.580 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty hay cam kết của người sở hữu: Không

b. *Cơ cấu cổ đông:*

Cổ đông (Tại thời điểm 05/11/2012)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
• Trong nước	17.331.675	99,57
- Tổ chức	15.213.775	87,40
- Cá nhân	2.117.900	12,17
• Nước ngoài	74.905	0,43
- Tổ chức	14.384	0,08
- Cá nhân	60.521	0,35
• Cổ phiếu quỹ	104	0
Tổng cộng	17.406.580	100

TT	Cổ đông lớn (tại thời điểm 31/12/2012)	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	CTCP Điện Gia Lai	5.064.064	29,09%
2	CTCP Đường Ninh Hòa	4.000.000	22,98%
3	Ngân hàng TMCP Thương Tín	1.800.000	10,34%
4	CTCP Bourbon Tây Ninh	2.500.000	14,36%
5	CTCP Đường Biên Hòa	1.740.700	10%

- c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không
- d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2011	KH 2012	TH 2012	% TH 2012	% TH/KH
I	Sản xuất						
1	Sản lượng mía ép	Tấn	316.178	450.000	452.835	143%	101%
2	Tỷ lệ mía/đường		10,42	10,00	10,17	98%	102%
II	Sản lượng sản xuất						
1	Đường RS	Tấn	30.331	45.000	43.066	142%	96%
2	Mật rỉ	Tấn	21.391	22.500	24.329	114%	108%
3	Bã bùn	Tấn	12.019	18.000	19.695	164%	110%
4	Phân fito(visinh)	Tấn	2.098	2.500	2.285	109%	92%
5	Bán điện cho EVN	Wh	10.555	19.780	17.976	170%	91%
6	Nước tinh khiết	ng.	266	1.145	426	160%	37%
III	Hiệu quả sản xuất kinh						
1	Doanh thu thuần về	Tr.đ	552.755	823.553	708.651	128%	86%
2	Tổng lợi nhuận kế toán	Tr.đ	110.979	108.341	75.348	68%	70%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	98.843	83.456	63.984	65%	77%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	5.679	4.795	3.676	65%	77%

Nhận xét:

- Bước sang năm 2012, Nhà máy tiến hành nâng cấp công suất lên 3.500TMN. Với sản lượng mía ép đạt cao nhất từ trước đến nay 452.835 tấn, cao hơn 43% so với năm 2011 và 1% so với KH đề ra. Bên cạnh đó, tỷ lệ mía/đường mặc dù có phần cải thiện thấp hơn 2% so với năm 2011 nhưng so với KH đề ra vẫn còn cao hơn 2%. Điều này ảnh hưởng đến lượng đường sản xuất năm 2012 tăng 42% so với năm 2011 và thấp hơn KH đề ra 4%.

- Năm 2012, Thị trường ngành đường gặp nhiều bất lợi vì nguồn đường thặng dư, giá đường liên tục sụt giảm mạnh từ mức 16.100đ/kg (tháng 01.2012) giảm xuống còn 13.650đ/kg (tháng 12.2012) và mức tiêu thụ vẫn ở mức thấp. Điều này tác động đến doanh thu BH&CCDV, LNTT và LNST của công ty trong năm 2012 lần lượt thấp hơn 14%, 30%, 23% so với KH đề ra và tăng 28%, thấp hơn 32% và 35% so với năm 2011.

- Trước tình hình biến động thị trường ngành đường và hoạt động kinh doanh của công ty, lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) giảm mạnh 35% so với năm 2011 và 23% KH năm 2012 đã đề ra.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Thành công trong việc nâng công suất nhà máy từ 3.200-3.500 TMN đạt chất lượng và đúng tiến độ đưa nhà máy vào sản xuất vụ 2012-2013 sớm hơn so với vụ 2011-2012 một tháng.

– Ký hợp đồng nguyên tắc với Agribank về việc cam kết tài trợ vốn cho dự án nâng cấp NMTĐ 6.000 TMN trị giá 1.185 tỷ đồng.

– SEC hoàn tất chuyển đổi hợp đồng bán điện từ giá cố định 698 đ/Kwh sang biểu giá chi phí tránh được (hiệu lực 20 năm), giá bán điện bình quân 2012 đạt hơn 1.000 đ/Kwh.

– Cải thiện về môi trường sản xuất, cụ thể đã rút ra khỏi danh sách các cơ sở sản xuất vi phạm nghị định 64 của chính phủ về gây ô nhiễm môi trường

– Công tác xã hội địa phương:

+ Xây dựng và trao tặng nhà sinh hoạt cộng đồng cho Bôn Banh trị giá 450 triệu đồng;

+ Tài trợ xây nhà sinh hoạt công đồng phường Sông Bờ 100 triệu đồng.

+ Tài trợ xây dựng nhà sinh hoạt tổ dân phố 1 phường Cheo Reo 100 triệu đồng.

+ Xây dựng 11 nhà tình nghĩa trên địa bàn vùng nguyên liệu của Công ty.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	2011	2012	% 2012/2011
Tổng tài sản	613.802 ngàn đ	669.237 ngàn đ	109%
Doanh thu thuần	552.755 ngàn đ	708.651 ngàn đ	128%
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,9	1,06	118%
Tổng nợ/ Vốn chủ sở hữu	184%	195%	106%
Tổng nợ / Tổng tài sản	65%	66%	102%
Tổng nợ có lãi/ Tổng tài sản	48%	57%	119%
Vay ngắn hạn / Vốn chủ sở hữu	45%	107%	238%
Vay dài hạn/ Vốn chủ sở hữu	91%	60%	66%
Vay ngắn hạn/ Tổng tài sản	16%	36%	225%
Vay dài hạn / Tổng tài sản	32%	20%	63%

Nhận xét:

– Bước sang năm 2012, nhà máy tiến hành mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh với Dự án nâng công suất lên 3.500TMN hoàn thiện trước mùa vụ 2012-2013. Tổng tài sản năm 2012 tăng 9% so với năm 2011. Bên cạnh đó, doanh thu thuần được cải thiện tăng 28% so với năm 2011. % chênh lệch năm 2012 và 2011 của doanh thu thuần so với chênh lệch tổng tài sản là 118%, điều này thể hiện tính hiệu quả của việc sử dụng tài sản.

– Cơ cấu các khoản nợ trong tổng tài sản của công ty năm 2012 tăng 2% so với năm 2011, với tỷ lệ nợ lãi vay/tổng tài sản năm 2012 tăng 19% so với năm trước. Tỷ lệ các khoản vay ngắn hạn trong cơ cấu tài sản của công ty có dấu hiệu tăng mạnh rõ rệt tới 138% so với năm 2011. Trong khi đó, cơ cấu các khoản vay dài hạn trong cơ cấu tổng tài sản công ty giảm 37%. Điều này là do SEC luôn phải sử dụng gần 100% LNST (sau khi trích các Quỹ) để chi trả cổ tức cho cổ đông, điều này dẫn đến SEC không có nguồn vốn giữ lại để tái đầu tư, buộc phải liên tục

bổ sung nguồn vốn từ Vốn vay ngân hàng ---> gia tăng sử dụng nợ, tăng áp lực chi phí lãi vay, tăng nguy cơ mất thanh khoản trong ngắn hạn.

b. Tình hình nợ phải trả:

Tình hình nợ phải trả	Năm 2011 (tr.đ)	Năm 2012 (tr.đ)	Tỷ trọng năm 2011	Tỷ trọng năm 2012	2012/2011	
					+ (tr.đ)	%
Phải trả người bán	46.131	34.228	12%	8%	-11.903	74%
Phải trả người lao động	207	1.285	0%	0%	1.078	620%
Nợ vay	294.159	379.073	74%	86%	84.914	129%
Phải trả ngân sách	4.206	8.805	1%	2%	4.599	209%
Phải trả khác	53.040	18.949	13%	4%	-34.091	36%
Cộng	397.743	442.340			44.597	111%

Khả năng thanh toán	Năm 2011	Năm 2012	2012/2011
- Khả năng thanh toán tổng quát	1,54	1,51	98%
- Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,24	0,93	75%
- Khả năng thanh toán nhanh	0,09	0,17	176%

- **Tình hình công nợ:** Công nợ phải trả của Công ty chủ yếu là nợ vay và nợ phải trả nhà cung cấp hàng hoá dịch vụ. Tổng nợ phải trả năm 2012 là 442,3 tỷ tăng 44,6 tỷ đồng (tương đương 11%) so với năm trước. Trong năm Công ty có đầu tư nâng cấp công suất nhà máy từ 3.200 TMN lên 3.500 TMN nhưng chưa tăng vốn điều lệ nên nguồn vốn chủ yếu dùng để đầu tư nâng cấp và dòng tiền để phục SXKD tương ứng với phần nâng công suất phải huy động từ vốn vay và vốn lưu động nên khoản nợ vay đã tăng 85 tỷ đồng (tương đương 29%) so với năm trước.

- **Khả năng thanh toán:** Khả năng thanh toán tổng quát trong năm 2012 là 1,51. Tuy có giảm 2% so với năm trước nhưng khả năng thanh toán tổng quát đạt 1,51 cho thấy khả năng thanh toán tổng quát của Công ty đang rất tốt. Khả năng thanh toán ngắn hạn năm 2012 là 0,93 giảm 0,25% so với năm trước, hệ số thanh toán nợ ngắn hạn hơi thấp nhưng tại công ty phần lớn không có nợ xấu, hàng tồn kho dễ dàng tiêu thụ và thu hồi nợ nên khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty vẫn được đảm bảo.

Kết luận: Tình hình công nợ tại Công ty vẫn ở mức an toàn, trong những năm tới do nhu cầu đầu tư phát triển mở rộng công nợ dự kiến còn tiếp tục tăng nhưng vẫn nằm ở mức an toàn theo kế hoạch và vốn chủ sở hữu cũng tăng theo.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

❖ **Cơ cấu tổ chức Công ty:**

– Trong năm 2012 Công ty tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc về cơ cấu tổ chức và hoạt động Công ty, hoàn thiện bộ máy tổ chức nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng ban, nhà máy. Sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động, thành lập thêm Phòng Kế hoạch - Đầu tư và Phòng kiểm soát nội bộ để thực hiện chức năng xây dựng, điều hành kế hoạch và quản lý các dự án; kiểm tra rà soát các hoạt động Công ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ trong quá trình hoạt động.

❖ **Chính sách quản lý, nhân sự nổi bật trong năm 2012 :**

– Tổ chức cho Cán bộ quản lý tham dự lớp đào tạo cán bộ quản lý để nâng cao nghiệp vụ quản lý. Gửi nhân sự đến các nhà máy khác học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đón đầu các công nghệ mới để chuẩn bị nhân sự cho dự án nâng công suất Nhà máy 6.000 TMN.

– Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy Công ty điều chỉnh mọi hoạt động nghiệp vụ của Công ty nhằm tạo hành lang pháp lý, ngăn ngừa rủi ro trong quá trình hoạt động.

– Xây dựng quy chế lương mới với chính sách thù lao đãi ngộ hợp lý, đảm bảo tính công bằng nội bộ, nâng cao thu nhập cho người lao động, thu hút và giữ chân các nhân sự có trình độ chuyên môn cao làm việc tại Công ty.

❖ **Khó khăn tồn tại và giải pháp khắc phục:**

– Khó khăn tồn tại :

+ Điều kiện Công ty ở vùng sâu, vùng xa, tuy nhiên chính sách, cơ chế đãi ngộ cho nhân sự chất lượng cao vẫn chưa đảm bảo, vì vậy Công ty vẫn còn khó khăn trong công tác tuyển dụng nhân sự chất lượng cao về làm việc.

– Giải pháp khắc phục :

+ Tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn khảo sát, xây dựng phần mềm quản lý nhân sự để ứng dụng trong năm 2013.

+ Bố trí xây dựng, sắp xếp lại cơ cấu, tổ chức nhân sự, chính sách đãi ngộ khoa học và hợp lý hơn nhằm nâng cao năng suất lao động, cũng như đời sống của CB-CNV.

4. Định hướng phát triển năm 2013:

a. Các chỉ tiêu KH chính năm 2013:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2012	KH 2013	%13/12
I	Sản xuất				
1	Sản lượng mía ép	Tấn	435.878	450.000	103%
2	Tỷ lệ mía/đường		10,17	10,00	102%
II	Sản lượng sản xuất				
1	Đường RS	kg	43.066	45.250	105%
2	Mật rỉ	kg	24.329	22.287	92%
3	Bã bùn	kg	19.965	17.891	90%

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2012	KH 2013	%13/12
4	Phân fito(vi sinh)	kg	2.251	2.500	111%
5	Bán điện cho EVN	Wh	17.904	19.802	111%
6	Nước tinh khiết	ng. lít	426	400	94%
III	Hiệu quả sản xuất kinh doanh	tr.đ			
1	Doanh thu thuần về BH&CCDV	tr.đ	708.651	739.023	104%
	Đường RS	tr.đ	590.315	604.286	102%
	Mật rỉ	tr.đ	35.648	27.857	78%
	Bã bùn	tr.đ	2.661	1.257	47%
	Phân fito (vi sinh)	tr.đ	2.018	3.571	177%
	Bán điện cho EVN	tr.đ	15.831	19.203	121%
	Nước tinh khiết	tr.đ	154	134	87%
	Phân mua ngoài, sản phẩm khác	tr.đ	62.024	82.715	133%
2	Giá vốn hàng bán	tr.đ	574.853	619.497	108%
3	Lợi nhuận gộp về BH&CCDV	tr.đ	133.798	119.526	89%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	tr.đ	20.351	16.862	83%
5	Chi phí hoạt động tài chính	tr.đ	51.616	47.076	91%
6	Chi phí bán hàng	tr.đ	10.093	31.320	310%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	tr.đ	19.725	18.151	92%
8	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	tr.đ	72.716	39.842	55%
9	Thu nhập khác	tr.đ	2.809	700	25%
10	Chi phí khác	tr.đ	177		0%
11	Lợi nhuận khác	tr.đ	2.632	700	27%
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	tr.đ	75.348	40.542	54%
13	Chi phí thuế TNDN Hiện hành	tr.đ	11.363	9.355	82%
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	tr.đ	63.984	31.187	49%
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	3.676	1.792	49%

b. Kế hoạch công tác tài chính và kinh doanh năm 2013:

– Hoàn tất các thủ tục theo luật định hoàn tất huy động vốn thông qua hình thức phát hành tăng vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu; duy trì và phát triển mối quan hệ tốt đẹp với các ngân hàng nhằm đảm bảo nguồn vốn ổn định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

– Trong năm 2013, Công ty tập trung bán hàng cho các đối tác mua hàng lớn, hoàn thành nhanh chóng các hoạt động giao nhận, tạo dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty.

c. Kế hoạch đầu tư năm 2013:

▪ Đầu tư xây dựng cơ bản, nâng cấp nhà máy :

STT	Hạng mục công trình	ĐVT	Giá trị ước tính
1	DA nâng cấp giai đoạn 2 lên 6.000 TMN năm 2013	tỷ đồng	55
2	DA xây ngầm Pida	tỷ đồng	3,1
3	DA xây dựng hệ thống tưới cánh đồng mía mẫu	tỷ đồng	10
4	DA xử lý nước thải 3.500m ³ /ngày đêm	tỷ đồng	22
5	Các hạng mục XDCB khác	tỷ đồng	13.8
Tổng cộng		tỷ đồng	107

▪ Đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu :

STT	Hạng mục - Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Đầu tư trồng mới, chăm sóc mía	tỷ đồng	106
2	Đầu tư cơ giới hóa	tỷ đồng	5
3	Đầu tư xe vận chuyển	tỷ đồng	5
4	Đầu tư cải tạo đất (vôi, bã bùn, phân vi sinh, tưới nhỏ giọt ...)	tỷ đồng	6
5	Đầu tư đường vận chuyển	tỷ đồng	2
6	Chi phí không hoàn lại (giống, tưới nước, PCCC, chuyển đổi . . .)	tỷ đồng	5
Tổng kinh phí đầu tư		tỷ đồng	129

d. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, đổi mới công tác tổ chức quản lý:

STT	Dự án - Chính sách - Đề án	Giải pháp thực hiện
1	Tuyển dụng	- Số lượng nhân viên chính thức 367 - Số lượng nhân viên thời vụ 181
2	Chuẩn hóa hệ thống quản trị nhân lực	Ban hành quy chế lương mới năm 2013
3	Đào tạo	82% lao động qua đào tạo và phân theo bằng cấp
4	Công nghệ thông tin	- Đầu tư phần cứng với trị giá 731.500.000 đồng - Đầu tư hệ thống phần mềm trị giá 315.500.000 đồng

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Tình hình hoạt động của Công ty:

- Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn toàn cầu và trong nước, tình hình thị trường ngành mía đường năm 2012 bị giảm sút. Diễn biến bất lợi của thị trường đường dẫn đến Công ty không đạt kế hoạch sản lượng, doanh thu và lợi nhuận năm 2012 như kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Mặc dù chịu tác động chung bởi những biến động khó khăn ngoài dự kiến đối với ngành mía đường Việt Nam gây ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty, kết thúc năm 2012, SEC đã hoàn thành 77%

lợi nhuận sau thuế TNDN so kế hoạch ĐHCĐ đề ra; tuy nhiên SEC đã hoàn thành chi trả cổ tức 25%/năm cho các cổ đông, đây là sự nỗ lực rất lớn của tập thể CBCNV toàn Công ty và sự năng động của Ban lãnh đạo.

– Dự án đầu tư nâng công suất nhà máy từ 3.200TMN lên 3.500TMN hoàn thành đưa vào sử dụng đúng tiến độ. Đồng thời, trong năm 2012 Công ty hoàn tất chuyển đổi hợp đồng bán điện sang biểu giá chi phí tránh được đã góp gần tăng doanh thu cho Công ty.

– Trong năm 2012, thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ 2012 Công ty đã hoàn thành hồ sơ tăng vốn Điều lệ nhưng công việc này đã phải tạm dừng theo yêu cầu của UBCKNN. Điều này đã gây khó khăn về vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty.

– Người lao động có việc làm và thu nhập ổn định, đóng góp cho ngân sách địa phương, hưởng ứng các chương trình vì người nghèo và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương và quyết định nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do ĐHCĐ đề ra.

Trong HĐQT có thành viên HĐQT thường trực và thành viên tham gia điều hành nên việc nắm bắt thông tin kịp thời, xử lý thông tin nhanh chóng đảm bảo Công ty phát triển bền vững và tuân thủ đúng quy định pháp luật. Phối hợp với Ban kiểm soát để phát huy vai trò quan trọng trong việc giám sát hoạt động của Công ty, kịp thời phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà cho sự phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông, đối tác, người lao động, người nông dân và thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ.

a. Về sản xuất kinh doanh:

Ban Tổng giám đốc triển khai hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng quản trị, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty và thích ứng với những diễn biến của thị trường Ban Tổng giám đốc cần năng động và hiệu quả hơn.

b. Về quản lý tài chính:

Tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn và phát triển, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban Kiểm soát và Phòng Kiểm soát nội bộ Công ty. Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh hiệu quả.

c. Về hoạt động đầu tư và xây dựng cơ bản:

Công tác hoạt động đầu tư và xây dựng cơ bản của Công ty được thực hiện đúng theo quy định và đưa vào sử dụng đúng thời hạn. Việc đầu tư thực hiện có trọng tâm đáp ứng cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và quy mô phát triển của Công ty.

d. Kết quả thực hiện năm 2012:

Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
Doanh thu thuần bán hàng	Triệu đồng	823.553	708.651	86%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	108.341	75.348	70%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	83.456	63.984	77%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	35-40%	25%	

3. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2013:

Trong năm 2013, HĐQT sẽ tập trung thực hiện các công việc chính sau:

– Thực hiện tăng vốn điều lệ cho phù hợp với cơ cấu nguồn vốn, tăng cường nguồn vốn trung dài hạn cho Công ty đảm bảo thực hiện nhu cầu đầu tư nâng cấp và thanh khoản tài chính cho Công ty.

– Tiếp tục tập trung thực hiện đầu tư nâng công suất nhà máy lên 6.000 tấn mía/ngày giai đoạn 2. Tích cực triển khai tìm kiếm và phát triển vùng nguyên liệu sang các địa bàn lân cận có lợi thế về đất đai, khí hậu và giao thông.

– Tổ chức các phiên họp thường kỳ ít nhất hai tháng 1 lần để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức các phiên họp bất thường để kịp thời xử lý các phát sinh.

– Tổ chức các phiên họp với Ban Tổng Giám đốc khi cần thiết để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các Nghị quyết ĐHCĐ và của HĐQT.

– Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng cuối mùa vụ, các hạng mục xây dựng cơ bản, xử lý nước thải để đáp ứng thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013.

– Chỉ đạo xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy phục vụ cho hoạt động nhu cầu của Công ty.

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Trong tháng 4 năm 2012, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, đồng thời cũng là Đại hội cuối nhiệm kỳ, do đó có sự thay đổi trong Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị năm 2012 bao gồm 5 thành viên, ngày 13/07/2012 HĐQT đã thống nhất miễn nhiệm thành viên đối với Ông Phùng Nguyễn Âu Đệ, và đã bầu ông Đinh Văn Hiệp thay thế; ngày 10/10/2012 HĐQT đã thống nhất miễn nhiệm thành viên đối với Ông Thái Văn Chuyện và đã bầu ông Cáp Thành Dũng bổ sung.

Hiện nay, danh sách các thành viên HĐQT như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần có đến 31/12/2012	
			Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Hoa	- Chủ tịch HĐQT Công ty; - Chủ tịch HĐQT Cty CP Đường Ninh Hòa.	0	0%
2	Tân Xuân Hiến	- Thành viên HĐQT Công ty; - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Cty CP Điện Gia Lai; - Chủ tịch HĐQT Cty CP Thủy điện Gia Lai; - Chủ tịch Cty TNHH MTV TM Xây dựng - Bê tông ly tâm Gia Lai.	96.600	0,55%
3	Trịnh Minh Châu	- Thành viên HĐQT Công ty	0	0%
4	Đình Văn Hiệp	- Thành viên HĐQT Công ty; - Thành viên HĐQT Cty CP Điện Gia Lai; - Thành viên HĐQT Cty CP Thủy điện Gia Lai; - Thành viên HĐTV Cty TNHH MTV TM Xây dựng - Bê tông ly tâm Gia Lai;	0	0%
5	Cáp Thành Dũng	- Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty.	13.800	0,079%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2012, HĐQT đã tổ chức 14 phiên họp thường kỳ lẫn phiên họp bất thường với sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát để hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty. Cụ thể trong năm 2012 vừa qua, HĐQT đã thông qua các Nghị quyết quan trọng, đánh dấu các bước phát triển mạnh mẽ cho Công ty.

- Đưa ra định hướng chiến lược phát triển cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư trong năm của Công ty.

- Thực hiện hồ sơ việc tăng Vốn điều lệ 20% trong năm 2012.

- Thông qua việc cơ cấu lại bộ máy tổ chức điều hành, thành lập phòng Kế hoạch - Đầu tư, Phòng Kiểm soát nội bộ, ...

– Chỉ đạo xây dựng, sửa đổi bổ sung một số văn bản lập quy đáp ứng kịp thời các nhu cầu hoạt động của Công ty. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012.

– Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc phát triển vùng nguyên liệu đến nay vùng nguyên liệu mía đã đạt được đạt 8.200 ha đảm bảo cho nhà máy hoạt động với công suất 3.500 tấn mía/ngày cho vụ mùa 2012-2013, dự kiến vụ 2013-2014 đạt 9.400 ha.

– Chỉ đạo thực hiện hoàn thành dự án nâng cấp công suất lên 3.500 tấn mía/ngày và đưa vào sử dụng kịp thời mùa vụ 2012-2013. Tiếp tục chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai áp dụng các biện pháp để tăng năng suất, chất lượng mía, năng suất mía, nâng cao hiệu quả sản xuất.

– Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư năm 2013, cùng các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 trình ĐHĐCĐ thường niên 2013.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Thực hiện chuyên trách nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp tích cực cùng với Hội đồng quản trị ban hành những chủ trương nghị quyết xác thực từng tình hình cụ thể, đồng thời phối hợp thực thi các Nghị quyết để hoàn thành kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f. Danh sách các thành viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Không có vì chưa có lớp mở đào tạo.

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần có đến 31/12/2012	
			Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Phạm Cao Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Lưu Mạnh Thức	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%
3	Lê Trọng Nam	Thành viên Ban kiểm soát	0	0%

Phòng Kiểm soát nội bộ Công ty gồm 02 thành viên do Ban kiểm soát trực tiếp quản lý.

b. Hoạt động của ban kiểm soát:

❖ Công tác kiểm tra, kiểm soát tính tuân thủ trong việc thực hiện các Quy chế, Quy trình, Quy định của các Phòng, ban, phân xưởng.

Ban kiểm soát đã phối hợp với Phòng KSNB triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra trong năm 2012, với các nội dung chính như sau:

- Kiểm tra sự hiện hữu của Hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Kiểm tra tính tuân thủ việc thực hiện Quy trình mua hàng và thanh toán.
- Kiểm tra tính tuân thủ việc thực hiện Quy trình nhập kho; Quy trình bán hàng.

– Kiểm tra tính tuân thủ việc thực hiện Công tác quản lý kho hàng; Tình hình tiêu thụ đường 09 tháng đầu năm 2012.

– Kiểm tra vấn đề Nguyên liệu mía đầu vào.

– Kiểm tra Công tác mua sắm vật tư, thiết bị và thanh toán; Công tác mua sắm tài sản.

– Kiểm tra các Khoản phải thu khác.

– Kiểm tra các Hợp đồng lao động.

– Kiểm tra tính tuân thủ các qui định trong công tác quản lý tiền tạm ứng, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

– Kiểm tra tính tuân thủ các qui định trong Chi phí quản lý.

– Kiểm tra tính tuân thủ các qui chế, qui trình, qui định trong hoạt động khối nông nghiệp;

Tình hình bảo quản thiết bị trang trại Pidông.

– Kiểm tra tính tuân thủ việc thực hiện quy trình quản lý máy móc thiết bị; kiểm soát quy trình sản xuất.

– Kiểm tra tính tuân thủ việc xét các tiêu chí thi đua khen thưởng cho nông dân.

❖ Các công việc khác:

– Lấy ý kiến các thành viên HĐQT về Qui chế hoạt động Ban Kiểm soát.

– Tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị.

– Tham gia xây dựng kế hoạch hành động năm 2013 của Phòng KSNB.

– Tập trung nghiên cứu hệ thống văn bản lập quy của Công ty, tìm hiểu hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty, xây dựng đề cương chi tiết cho các cuộc kiểm tra hoạt động.

❖ Nhận xét đánh giá:

– Hoạt động kiểm tra kiểm soát của Công ty được thực hiện tốt. Ban Kiểm soát cùng Phòng Kiểm soát nội bộ thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty, kịp thời phát hiện các sai sót, ngăn ngừa các rủi ro đáng tiếc có thể xảy ra.

– Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành luôn tin tưởng, ủng hộ và hỗ trợ tối đa, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

– Năng lực nhân sự trong hoạt động kiểm soát từng bước được nâng cao, phần nào đáp ứng được công tác kiểm tra, kiểm soát đồng thời hỗ trợ các đơn vị/phòng ban trong Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, và Ban Tổng giám đốc:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác
I	Hội đồng quản trị		
1	Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT	300.000.000 đồng
2	Tân Xuân Hiến	Thành viên HĐQT	175.000.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác
3.	Đình Văn Hiệp	Thành viên HĐQT	80.000.000 đồng
4	Trịnh Minh Châu	Thành viên HĐQT	100.000.000 đồng
5	Cáp Thành Dũng	Thành viên HĐQT	27.000.000 đồng
II	Ban Kiểm soát		
1	Phạm Cao Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	100.000.000 đồng
2	Lưu Mạnh Thức	Thành viên Ban kiểm soát	45.000.000 đồng
3	Lê Trọng Nam	Thành viên Ban kiểm soát	85.000.000 đồng
III	Ban Điều hành		
1	Cáp Thành Dũng	Tổng giám đốc	980.000.000 đồng
2	Nguyễn Văn Lừng	Phó Tổng giám đốc	720.000.000 đồng
3	Hồ Đắc Dũng	Phó Tổng giám đốc	683.000.000 đồng
4	Nguyễn Tiến Cường	Phó Tổng giám đốc	176.000.000 đồng

b. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:*

T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Văn Lừng	Nguyên TV.HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	54.000	0,31	47.600	0,27	Giải quyết nhu cầu tài chính

c. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:*

TT	Tên cổ đông	Mối liên quan	Giá trị giao dịch (VNĐ)
1	Công ty CP Điện Gia Lai Mua hàng hóa, tài sản và dịch vụ Cho vay Các khoản vay đã nhận Chi phí lãi vay Thu nhập lãi cho vay Cổ tức đã trả	- Ông Tân Xuân Hiến - TV.HĐQT là Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc - Ông Đình Văn Hiệp - TV.HĐQT là Thành viên HĐQT	22.254.227.042 5.000.000.000 20.000.000.000 707.250.000 357.638.889 28.144.785.000
2	Công ty CP Bourbon Tây Ninh Bán thành phẩm	Ông Trịnh Minh Châu - TV.HĐQT là Phó TGD	44.857.142.857

TT	Tên cổ đông	Mối liên quan	Giá trị giao dịch (VNĐ)
	Chi phí lãi cho khoản trả trước		208.679.167
3	Thành viên HĐQT và Ban TGD		3.945.297.463

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

Xin vui lòng xem Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012 tại website: www.secgialai.com.vn tại mục Báo cáo tài chính năm 2012.

Đường link xem Báo cáo tài kiểm toán năm 2012 tại Website Công ty:

http://secgialai.com.vn/tintuc/modules.php?name=Tailieu&op=Tailieu_View&tid=154

Trên đây là toàn bộ Báo cáo thường niên năm 2012 của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai.

Gia Lai, ngày 29 tháng 03 năm 2013

Người đại diện theo pháp luật



Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Thị Hoa